UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP THÁNG 2020 (Sau 1 năm)

(Thực hiện theo Công văn số 3943/BGDĐT-GDĐT ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo Dục và Đào tạo)

Trình độ đào tạo: Đại học & Cao đẳng chính quy
Đường link Website công khai báo cáo: *https://tdmu.edu.vn/tt36/nam-2020-2021*
Họ và tên cán bộ tổng hợp: Nguyễn Ngọc Trâm
Điện thoại: (0274) 3865866 Email: lmc@tdmu.edu.vn

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số SVTN		Số SV phản hồi		Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm/ tổng số sinh viên phản hồi	Khu vực làm việc			
							Có việc làm									
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo	Tiếp tục học	Chưa có việc làm		Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
		TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG														
1	51140201	Giáo dục mầm non	5	5	1	1	1	0	0	0	0	100.00%	0	1	0	0
2	51140209	Sư phạm Toán học	2	2	1	1	0	0	0	1	0	100.00%	0	0	0	0
3	51140213	Sư phạm Sinh học	6	6	4	4	2	1	0	0	1	75.00%	1	2	0	0
4	51140211	Sư phạm Vật lý	2	1	1	0	0	0	0	1	0	100.00%	0	0	0	0
5	51140219	Sư phạm Địa lý	1	1	1	1	0	1	0	0	0	100.00%	0	0	1	0
6	51510101	Công nghệ kỹ thuật kiến trúc	1	0	1	0	1	0	0	0	0	100.00%	0	0	1	0
7	51510103	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	2	0	2	0	0	1	0	0	1	50.00%	0	1	0	0
8	51510301	Công nghệ kỹ thuật điện - điện tử	11	0	4	0	2	0	2	0	0	100.00%	2	2	0	0
		Tổng Cao đẳng (1)	**30**	**15**	**15**	**7**	**6**	**3**	**2**	**2**	**2**	**86.67%**	**3**	**6**	**2**	**0**
		TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC														
1	7140101	Giáo dục học	19	13	18	12	3	7	5	0	3	83.33%	4	9	2	0
2	7140201	Giáo dục mầm non	151	151	105	105	49	23	19	2	12	88.57%	12	50	17	12
3	7140202	Giáo dục tiểu học	234	226	179	172	115	19	15	7	23	87.15%	93	33	20	3
4	7140217	Sư phạm Ngữ văn	42	40	32	29	5	15	7	2	3	90.63%	9	15	2	1
5	7140218	Sư phạm Lịch sử	51	32	28	15	4	7	10	2	5	82.14%	8	12	1	0
6	7440102	Vật lý học	13	9	9	6	2	0	4	1	2	77.78%	0	5	1	0
7	7460101	Toán học	24	19	21	17	2	4	7	3	5	76.19%	0	8	2	3
8	7380101	Luật	235	152	189	121	53	39	62	5	30	84.13%	22	110	6	16
9	7340101	Quản trị kinh doanh	175	135	148	114	51	48	14	2	33	77.70%	7	70	4	32
10	7340301	Kế toán	149	142	123	117	72	12	8	5	26	78.86%	5	65	0	22
11	7340201	Tài chính Ngân Hàng	102	91	80	69	38	19	9	0	14	82.50%	6	53	1	6

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số SVTN		Số SV phản hồi		Tình hình việc làm					Tỷ lệ SV có việc làm/ tổng số sinh viên phản hồi	Khu vực làm việc			
							Có việc làm			Tiếp tục học	Chưa có việc làm		Nhà nước	Tư nhân	Tự tạo việc làm	Có yếu tố nước ngoài
			Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	Đúng ngành đào tạo	Liên quan đến ngành đào tạo	Không liên quan đến ngành đào tạo							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
12	7440112	Hóa học	89	73	54	42	12	10	16	4	12	77.78%	1	22	0	15
13	7440301	Khoa học môi trường	26	12	24	12	7	8	7	1	1	95.83%	9	8	3	2
14	7420203	Sinh học Ứng dụng	5	3	4	3	1	0	2	0	1	75.00%	0	3	0	0
15	7480103	Kỹ thuật phần mềm	11	2	3	1	2	0	1	0	0	100.00%	1	2	0	0
16	7480104	Hệ thống thông tin	16	4	9	1	2	2	4	1	0	100.00%	1	4	2	1
17	7520201	Kỹ thuật điện - điện tử	38	2	17	1	8	0	9	0	0	100.00%	1	13	3	0
18	7580201	Kỹ thuật xây dựng	29	1	18	0	8	4	6	0	0	100.00%	3	13	2	0
19	7580101	Kiến trúc	12	5	5	3	4	1	0	0	0	100.00%	1	3	1	0
20	7310205	Quản lý Nhà nước	57	38	50	35	8	11	20	5	6	88.00%	14	17	8	0
21	7510601	Quản lý Công nghiệp	73	59	71	59	40	20	6	3	2	97.18%	3	48	0	18
24	7580105	Quy hoạch vùng - đô thị	12	9	6	2	2	0	2	1	1	83.33%	2	2	0	0
23	7220201	Ngôn ngữ Anh	131	115	89	78	25	25	11	5	23	74.16%	1	51	1	8
25	7220204	Ngôn ngữ Trung quốc	44	42	42	40	28	14	0	0	0	100.00%	0	3	2	37
22	7850101	Quản lý Tài nghuyên & môi trường	87	54	65	44	20	5	18	4	18	72.31%	6	33	1	3
26	7760101	Công tác xã hội	30	24	23	18	6	6	5	1	5	78.26%	6	8	3	0
Tổng Đại học (2)			**1855**	**1453**	**1412**	**1116**	**567**	**299**	**267**	**54**	**225**	**84.07%**	**215**	**660**	**82**	**179**
Tổng cộng toàn trường (1)+(2)			**1885**	**1468**	**1427**	**1123**	**573**	**302**	**269**	**56**	**227**	**84.09%**	**218**	**666**	**84**	**179**

Ghi chú:

(*) Trường hợp các ngành chưa có mã ngành thuộc danh mục cấp IV đề nghị ghi rõ tên chương trình đang đào tạo trong cột tên ngành

(**) Tỷ lệ SVTN có việc làm được tính theo công thức: [(SL SVTN có việc làm + SL SVTN chưa có việc làm nhưng đang học nâng cao) / tổng số SVTN được khảo sát có phản hồi]* 100

Bình Dương, ngày 05 tháng 4 năm 2021

KT. Hiệu trưởng

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

TS. Ngô Hồng Điệp